

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-PT

Ngày: 23/7/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Cường;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Khánh Phương và ông Hà Quang Huy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:***  
Ông Nông Văn Đồi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử C khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo Âu Đình C và Nông Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Âu Đình C;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 11/8/1977 tại Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn BĐ, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Âu Đình D và bà Trương Thị Kh (đều đã chết); Có vợ là Hoàng Thị Nh, sinh năm 1978; Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 19/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định số 06/2018/QĐ-TA đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến ngày 31/8/2019 chấp hành xong và trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Nông Văn T;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 29/3/1982 tại Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn BĐ, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông

Văn K (đã chết) và bà Lưu Thị Th, sinh năm 1944; Chưa có vợ và con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 10 phút, ngày 08/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn phát hiện ba đối tượng gồm có Âu Đình C, Nông Văn C1, Lộc Văn L có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra phía sau nhà của Âu Đình C tại thôn BĐ, xã HM, huyện CM, gần vị trí các đối tượng đang đứng phát hiện và thu giữ một số đồ vật, tài sản gồm: 01 gói nilon bên trong có 03 gói nhỏ đều được gói bằng giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, bên trong các gói đều chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy loại Heroine, được niêm phong trong phong bì ký hiệu C1; 03 vỏ bao xi lanh; 03 xi lanh; 01 mảnh giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; Thu giữ trên túi quần dài bên trái của Âu Đình C 01 chiếc điện thoại REALME, bên trong có 01 sim số thuê bao 0397.592.570. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của Nông Văn T các đồ vật gồm: 01 điện thoại di động; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 xe máy nhãn hiệu WARED biển số 99Y-1015 và 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Qua điều tra xác định: Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 08/8/2020, C1 gặp L tại khu vực Cầu Đen thuộc tổ 13, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để cùng nhau tìm mua ma túy. C1 mượn điện thoại của một người đi đường gọi điện cho C để hỏi mua ma túy, C đồng ý bán ma túy và hẹn C1, L đến nhà C. Đến nhà C thì C1 và L đưa mỗi người 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cho C để mua ma túy, C nhận tiền và bảo hai người đợi, sau đó C mượn xe máy của C1 để đi ra ngoài, trên đường đi, C mượn điện thoại của một người đi đường để gọi điện cho Nông Văn T để hỏi mua ma túy, T đồng ý với C và hẹn đến quán của bà Nguyễn Thị Mận ở cùng thôn, tại đây T bán cho C 04 gói nhỏ ma túy với giá 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). C trở về nhà rồi cùng C1, L đi ra phía sau nhà của C, C đưa cho C1 01 gói nhỏ ma túy, 03 gói nhỏ ma túy còn lại C đặt dưới đất gần vị trí C ngồi, chưa kịp đưa cho C1 và L thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ.

Nông Văn T khai nhận: khoảng 07 giờ cùng ngày, khi T đi đến thành phố Bắc Kạn để uống thuốc Methadone, T mua được 04 gói ma túy với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) của một người đàn ông lạ mặt tại khu vực phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn với mục đích để sử dụng cho bản thân và để bán khi có người mua, trên đường về nhà T đã trích một phần ma

túy sử dụng bằng cách chích vào cơ thể, khi C gọi điện hỏi mua ma túy thì T hẹn C ra quán bà Mận cùng thôn và bán lại cho C 04 gói nhỏ ma túy trên với giá 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, C, C1, L khai nhận: Vào 09 giờ 30 phút, ngày 03/8/2020, C1 và L rủ nhau đi tìm mua ma túy về sử dụng, C1 cũng hỏi C để mua ma túy thì C đồng ý và cả hai đến nhà C, tại cổng nhà của C, C1 đưa cho C 190.000đ (một trăm chín mươi nghìn đồng), L đưa cho C 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để mua ma túy, C nhận tiền và bảo C1, L đợi, sau đó C đi ra khỏi nhà để tìm mua ma túy và gặp một người tên là Hưng (C không biết rõ họ tên và địa chỉ của Hưng) và mua được của người này 04 gói nhỏ ma túy với số tiền 390.000đ (ba trăm chín mươi nghìn đồng). C trở về nhà và trích một phần ma túy ra để làm phần C của mình rồi đưa cho C1, L 02 gói nhỏ ma túy, số ma túy này C, C1, L đều đã sử dụng hết.

Tại Biên bản cân xác định trọng lượng vật chứng thu giữ được xác định: bên trong phong bì “C1” có 03 gói được gói bằng giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy, có tổng khối lượng 0,096 gam, được niêm phong lại vào phong bì “T1” để gửi giám định, giấy gói và phong bì cũ được niêm phong vào phong bì ký hiệu “T2”.

Tại Bản kết luận giám định số 132/KTHS-MT ngày 14/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì “T1” gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,096 gam. Sau giám định còn lại 0.060 gam và phong bì, bao gói cũ được niêm phong lại vào phong bì ký hiệu “T132” hoàn trả lại.

Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST, ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tuyên bố các bị cáo Âu Đình C và Nông Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Âu Đình C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam. Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nông Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam. Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền mỗi bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2021, các bị cáo T có đơn kháng cáo, ngày 19/4/2021 bị cáo C có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST, ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn cùng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Do cả hai bị cáo đều không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, mặt khác mức án mà Bản án sơ thẩm tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Âu Đình C, Nông Văn T phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do vậy, được Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, các hành vi, quyết định tố tụng và chứng cứ, tài liệu do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, do vậy các hành vi, quyết định tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Qua quá trình điều tra, truy tố và xét xử đủ căn cứ khẳng định: Ngày 08/8/2020, bị cáo Âu Đình C, Nông Văn T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng 0,096 gam, loại heroine. Bị cáo Âu Đình C mua ma túy từ bị cáo Nông Văn T với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) và bán lại cho những người nghiện là Nông Văn C1, Lộc Văn L với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Ngoài ra, ngày 03/8/2020 bị cáo C còn bán ma túy cho C1, L với số tiền 390.000đ (ba trăm chín mươi nghìn đồng). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn xét xử bị cáo Âu Đình C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự và xét xử bị cáo Nông Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Âu Đình C là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Người phạm tội tự thú” và bị cáo có bố đẻ là ông Âu Đình D được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Qua phần xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX thấy: Bị cáo C có chú ruột là ông Âu Đình H đã hy sinh trong thời kỳ chống Mỹ và được xác nhận là liệt sỹ, bị cáo C là người thờ cúng liệt sỹ Hoạch, đây là tình tiết chưa được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm thấy cần chấp nhận đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS, mặt khác việc bị cáo tự thú và bị xét xử ở khoản 2 Điều 251 thể hiện thái độ ăn năn hối cải của mình, bị cáo có tiền sự nên không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử dưới mức thấp nhất

của khung hình phạt được áp dụng nhưng cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa từng vi phạm pháp luật, ngoài ra HĐXX xét thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, sống cùng mẹ già không còn khả năng lao động nên coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Án phí: Kháng cáo của bị cáo C và bị cáo T được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Âu Đình C và bị cáo Nông Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn về phần hình phạt.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Âu Đình C 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (08/8/2020).

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nông Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (08/8/2020).

Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Âu Đình C số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nông Văn T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Âu Đình C và bị cáo Nông Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện CM (03b);
- VKSND huyện CM;
- CA huyện CM (02b);
- CCTHADS huyện CM;
- Các bị cáo (Qua TTG);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Văn Cường**